

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05/02/2021.

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Kha.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lương Công Trình.

- Bà Bùi Thị Thu Nguyệt.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Cẩm Thoang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:* Bà Phan Thị Ánh Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị B H, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Bị đơn: Anh Bùi Văn N, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 21/10/2020, quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Võ Thị B H trình bày:

Chị H và anh N tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại UBND xã H, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến hay cãi vã, trong cuộc sống chồng có hành vi bạo lực đánh vợ nhiều lần. Vợ chồng đã tự hòa giải nhưng anh N không thay đổi, vợ chồng mâu thuẫn gay gắt vào tháng 8/2020, vợ chồng không sống chung từ đó đến nay, không liên lạc, qua lại, không quan tâm tới nhau. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được do đó chị H yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Hoàng G N, sinh ngày 02/9/2014 do anh N đang trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Bùi Hoàng G T, sinh ngày 03/7/2018 do chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn chị yêu cầu giao cháu Nhi cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng và chị tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thành. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 03/12/2020, bị đơn anh Bùi Văn N trình bày:

Vợ chồng kết hôn tự nguyện vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến giữa năm 2020 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên chị H bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, vợ chồng không sống chung từ đó đến nay, anh N có liên lạc bằng điện thoại khuyên chị H quay về nhưng chị H không chịu. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý vì mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng và anh không muốn con thiếu tình cảm của cha, mẹ.

Vợ chồng có 02 con chung như chị H trình bày, vợ chồng thường xuyên liên lạc để lo cho con chung. Nếu vợ chồng đi đến ly hôn, anh N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Hoàng G N và giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Hoàng G T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị H yêu cầu được nuôi 02 con chung thì anh N đồng ý và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

Về tài sản chung và nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về việc nội dung giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tuân thủ đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày, tranh luận của các đương sự tại phiên tòa đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn; Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh N. Về nuôi con chung: Giao cháu Bùi Hoàng G N, sinh ngày 02/9/2014 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Giao cháu Bùi Hoàng G T, sinh ngày 13/7/2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Nguyên đơn và bị đơn không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: Đề nghị không xem xét do đương sự không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn anh Bùi Văn N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn chị Võ Thị B H và anh Bùi Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên do đó hôn nhân là hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp do đó chị H yêu cầu được ly hôn với bị đơn. Bị đơn không đồng ý ly hôn nhưng không tham gia các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như các phiên tòa của Tòa án thể hiện không có thiện chí cùng giải quyết, xóa bỏ mâu thuẫn gia đình, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục, người nào chỉ biết bỏn phận người đó, bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống không quan tâm tới nhau, đời sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Võ Thị B H được ly hôn với anh Bùi Văn N.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng chị H và anh N có 02 con chung là cháu Bùi Hoàng G N, sinh ngày 02/9/2014 và cháu Bùi Hoàng G T, sinh ngày 13/7/2018. Trong thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Thành và anh N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nhi. Ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Thành và giao cháu Nhi cho bị đơn tiếp tục nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn thống nhất theo yêu cầu của nguyên đơn nếu ly hôn. Xét thấy, để đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất và tinh thần của con chung, căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét quyết định giao con chung Bùi Hoàng G N, sinh ngày 02/9/2014 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Bùi Hoàng G T, sinh ngày 13/7/2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn chị Võ Thị B H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 118 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Võ Thị B H được ly hôn với anh Bùi Văn N.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Bùi Hoàng G N, sinh ngày 02/9/2014 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Bùi Hoàng G T, sinh ngày 13/7/2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Nguyên đơn và bị đơn không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. *Về án phí*: Chị Võ Thị B H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, đã nộp đủ tại Biên lai số 0002963, ngày 12/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Phú Hòa;
- Chi cục THADS H. Phú Hòa;
- UBND xã H, H. Phú Hòa;
- (Số 100/2015, quyển số 01/2015)
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Kha

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

